



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021)
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 11 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 11 tháng 4 năm 2021)

**Trụ sở đăng ký**

236/106/1A Điện Biên Phủ  
Phường 17, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72  
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00367-22-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3064-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>675.644.521.985</b>	<b>491.996.225.734</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>556.285.208.580</b>	<b>340.712.868.131</b>
Tiền	111		26.285.208.580	77.851.220.022
Các khoản tương đương tiền	112		530.000.000.000	262.861.648.109
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.021.742.939</b>	<b>100.689.981.132</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	33.069.995.688	14.930.996.881
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.538.098.625	999.045.138
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	29.413.648.626	84.759.939.113
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>45.870.674.937</b>	<b>50.320.649.198</b>
Hàng tồn kho	141		45.870.674.937	50.320.649.198
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.466.895.529</b>	<b>272.727.273</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		272.727.273	272.727.273
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.194.168.256	-
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>803.818.312.962</b>	<b>943.829.626.386</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.014.000.000</b>	<b>14.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	40.014.000.000	14.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>561.792.275.410</b>	<b>741.803.588.834</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>9</b>	<b>538.445.331.161</b>	<b>717.843.640.093</b>
Nguyên giá	222		3.322.148.090.226	4.045.983.789.311
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.783.702.759.065)	(3.328.140.149.218)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>10</b>	<b>23.346.944.249</b>	<b>23.959.948.741</b>
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.904.035.962)	(4.291.031.470)

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>192.640.046.940</b>	<b>192.640.046.940</b>
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.859.953.060)	(46.859.953.060)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.371.990.612</b>	<b>9.371.990.612</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30(d)	9.371.990.612	9.371.990.612
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.479.462.834.947</b>	<b>1.435.825.852.120</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>347.658.927.372</b>	<b>356.284.715.025</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>231.215.554.872</b>	<b>208.789.776.525</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	22.916.483.920	29.994.963.414
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	24.308.883.189	10.449.019.095
Phải trả người lao động	314		28.561.915.424	32.782.133.974
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	8.966.545.183	8.506.213.646
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	8.328.305.940	9.091.143.253
Vay ngắn hạn	320	16	31.051.566.000	31.051.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	96.419.484.573	79.174.443.081
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	10.662.370.643	7.740.294.062
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>116.443.372.500</b>	<b>147.494.938.500</b>
Vay dài hạn	338	16	116.443.372.500	147.494.938.500

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.131.803.907.575</b>	<b>1.079.541.137.095</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.131.803.907.575</b>	<b>1.079.541.137.095</b>
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		131.440.962.019	41.678.191.539
- LNST chưa phân phối/(Lỗ) lũy kể đến cuối năm trước	421a		(3.197.287.842)	(6.898.208.878)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		134.638.249.861	48.576.400.417
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.479.462.834.947</b>	<b>1.435.825.852.120</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>604.665.753.376</b>	<b>668.590.374.035</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>513.264.944.274</b>	<b>544.557.366.017</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>91.400.809.102</b>	<b>124.033.008.018</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	33.886.716.614	10.292.471.463
Chi phí tài chính	22	26	13.069.494.068	17.353.041.310
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.987.891.720</i>	<i>17.071.342.796</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	45.179.084.505	55.494.219.251
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>67.038.947.143</b>	<b>61.478.218.920</b>
Thu nhập khác	31	28	97.803.668.603	485.333.941
Chi phí khác	32		689.194.583	149.604.708
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>97.114.474.020</b>	<b>335.729.233</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>164.153.421.163</b>	<b>61.813.948.153</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>29.515.171.302</b>	<b>12.409.538.348</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>828.009.388</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>134.638.249.861</b>	<b>48.576.400.417</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>164.153.421.163</b>	<b>61.813.948.153</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		180.011.313.424	180.074.152.283
Các khoản dự phòng	03		55.567.415.501	53.169.439.550
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.190.750	(13.016.226)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(126.987.153.165)	(10.129.177.241)
Chi phí lãi vay	06		12.987.891.720	17.071.342.796
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>285.796.079.393</b>	<b>301.986.689.315</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(25.787.767.172)	21.336.510.622
Biến động hàng tồn kho	10		4.449.974.261	9.638.336.741
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(41.268.361.498)	(75.931.572.020)
Biến động chi phí trả trước	12		-	5.399.730.077
			<b>223.189.924.984</b>	<b>262.429.694.735</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.272.757.936)	(17.538.775.205)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.245.501.780)	(20.552.563.294)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.777.970.000)	(14.357.570.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>182.893.695.268</b>	<b>209.980.786.236</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(931.972.036)	(29.440.169.369)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	93.288.186.018	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	34.355.399.793	10.129.177.241
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>126.711.613.775</b>	<b>(19.310.992.128)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(31.051.566.000)	(31.051.566.000)
Tiền trả cổ tức	36	(62.966.437.000)	(70.835.076.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(94.018.003.000)</b>	<b>(101.886.642.700)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>215.587.306.043</b>	<b>88.783.151.408</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>340.712.868.131</b>	<b>251.935.741.438</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(14.965.594)</b>	<b>(6.024.715)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>556.285.208.580</b>	<b>340.712.868.131</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

##### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 345 nhân viên (1/1/2021: 345 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí sửa chữa lớn***

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu. Sự thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính trong năm nay.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.





**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	18.080.944	4.230.797
Tiền gửi ngân hàng	26.267.127.636	77.846.989.225
Các khoản tương đương tiền (*)	530.000.000.000	262.861.648.109
	556.285.208.580	340.712.868.131

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,9% đến 3,5%/năm (1/1/2021: từ 2,9% đến 4%/năm).

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Bên liên quan</i></b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	19.097.362.493	7.775.449.200
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	13.972.633.195	7.155.547.681
	33.069.995.688	14.930.996.881

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	2.470.858.512	-
Trả trước khác	6.067.240.113	999.045.138
	<b>8.538.098.625</b>	<b>999.045.138</b>

**7. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	12.454.850.000	63.239.848.746
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	-	20.505.470.560
▪ <i>Phải thu về chi hộ mua tàu Nhà Bè 10</i>	12.000.000.000	42.671.143.264
▪ <i>Phải thu khác</i>	454.850.000	63.234.922
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	2.494.353.499	1.974.172.321
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	2.494.353.499	1.974.172.321
Chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	-	318.224.864
Chi hộ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	217.902.292	-
Tạm ứng cho người lao động	1.265.047.608	1.719.143.949
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 17)	12.500.000.000	12.500.000.000
Các khoản phải thu khác	481.495.227	5.008.549.233
	<b>29.413.648.626</b>	<b>84.759.939.113</b>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	40.000.000.000	-
▪ <i>Phải thu về chi hệ mua tàu Nhà Bè 10 (*)</i>	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	14.000.000	14.000.000
	40.014.000.000	14.000.000
	40.014.000.000	14.000.000

(\*) Khoản phải thu về chi hệ mua tàu Nhà Bè 10 sẽ được thu hồi trong năm 2023 và 2024, mỗi năm 20 tỷ VND.

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	45.504.755.129	50.097.898.015
Công cụ và dụng cụ	365.919.808	222.751.183
	45.870.674.937	50.320.649.198
	45.870.674.937	50.320.649.198

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	101.836.756.726	174.339.147	3.943.630.184.063	342.509.375	4.045.983.789.311
Thanh lý	-	-	(723.835.699.085)	-	(723.835.699.085)
Số dư cuối năm	101.836.756.726	174.339.147	3.219.794.484.978	342.509.375	3.322.148.090.226
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.733.872.664	174.339.147	3.324.889.428.032	342.509.375	3.328.140.149.218
Khấu hao trong năm	2.733.872.664	-	176.664.436.268	-	179.398.308.932
Thanh lý	-	-	(723.835.699.085)	-	(723.835.699.085)
Số dư cuối năm	5.467.745.328	174.339.147	2.777.718.165.215	342.509.375	2.783.702.759.065
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	99.102.884.062	-	618.740.756.031	-	717.843.640.093
Số dư cuối năm	96.369.011.398	-	442.076.319.763	-	538.445.331.161

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 206.422 triệu VND (1/1/2021: 250.911 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 807.141 triệu VND (1/1/2021: 1.530.977 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	4.291.031.470
Khấu hao trong năm	613.004.492
Số dư cuối năm	4.904.035.962
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	23.959.948.741
Số dư cuối năm	23.346.944.249

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021				1/1/2021							
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>												
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	160.000.000.000	- (*)	160.000.000.000	100%	100%	100%	160.000.000.000	- (*)	- (*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	- (*)	15.000.000.000	100%	100%	100%	15.000.000.000	- (*)	- (*)
				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>175.000.000.000</u>				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>												
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0.51%	0.51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	53.500.000.000 (*)	625.000	0.51%	0.51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	53.500.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2.02%	2.02%	6.000.000.000	- (*)	6.000.000.000	600.000	2.02%	2.02%	6.000.000.000	- (*)	6.000.000.000 (*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17.86%	17.86%	5.000.000.000	- (*)	5.000.000.000	500.000	17.86%	17.86%	5.000.000.000	- (*)	5.000.000.000 (*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>	<u>64.500.000.000</u>				<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>	<u>64.500.000.000</u>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	6.977.648.247	5.791.075.846
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	3.244.206.224	3.306.881.492
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	982.656.059	1.303.974.731
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	888.514.935	2.398.721.050
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	31.900.100	72.254.750
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	-	5.453.229.078
	<hr/>	<hr/>
	12.124.925.565	18.326.136.947
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	4.655.617.360	4.655.617.360
Công ty TNHH An Dương	2.500.902.888	246.199.572
Công ty TNHH DV HH An Thái Dương	1.685.666.950	72.270.000
Các nhà cung cấp khác	1.949.371.157	6.694.739.535
	<hr/>	<hr/>
	10.791.558.355	11.668.826.467
	<hr/>	<hr/>
	22.916.483.920	29.994.963.414

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**13. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	2.673.059.370	40.024.132.245	(42.690.138.871)	7.052.744
Thuế nhập khẩu	-	2.070.339.470	(2.070.339.470)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.236.751.320	29.515.171.302	(13.245.501.780)	23.506.420.842
Thuế thu nhập cá nhân	434.769.311	2.229.082.041	(1.956.407.173)	707.444.179
Các loại thuế khác	104.439.094	1.409.967.502	(1.426.441.172)	87.965.424
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	10.449.019.095	75.248.692.560	(61.388.828.466)	24.308.883.189

(\*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.181.171.795	1.466.038.011
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	2.329.070.404	2.177.260.049
Cảng phí	1.062.834.652	402.505.000
Bảo hiểm	2.649.039.848	3.442.638.033
Các khoản khác	1.744.428.484	1.017.772.553
	<b>8.966.545.183</b>	<b>8.506.213.646</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về hoạt động tàu Vân Phong	1.324.579.718	1.561.067.016
Kinh phí công đoàn	1.907.896.771	1.936.329.430
Cổ tức phải trả	1.294.184.460	1.167.288.660
Các khoản phải trả khác	3.801.644.991	4.426.458.147
	<b>8.328.305.940</b>	<b>9.091.143.253</b>

**16. Vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,9%	2026	147.494.938.500	178.546.504.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(31.051.566.000)	(31.051.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				116.443.372.500	147.494.938.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 206.422 triệu VND (1/1/2021: 250.911 triệu VND) (Thuyết minh 9).

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	46.419.484.573	29.174.443.081
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>96.419.484.573</b>	<b>79.174.443.081</b>

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì “*phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND*”. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính “*50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp*”. Trong năm 2020, với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo Công ty nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy, do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 7(a) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND (Thuyết minh 19). Ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án Phúc thẩm số 452/2021/HSPT theo đó Tòa án đưa ra kết luận y án sơ thẩm.

(ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

	<b>Dự phòng sửa chữa lớn</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	29.174.443.081	57.249.999.998
Dự phòng lập trong năm	55.567.415.501	53.134.938.444
Dự phòng sử dụng trong năm	(38.322.374.009)	(81.210.495.361)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>46.419.484.573</b>	<b>29.174.443.081</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.740.294.062	9.485.978.540
Trích lập trong năm	19.282.146.581	20.031.585.522
Sử dụng quỹ	(16.360.070.000)	(21.777.270.000)
Số dư cuối năm	<u>10.662.370.643</u>	<u>7.740.294.062</u>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	121.613.376.044	1.159.476.321.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	48.576.400.417	48.576.400.417
Điều chỉnh theo kết luận của Ban án (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(20.031.585.522)	(20.031.585.522)
	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	41.678.191.539	1.079.541.137.095
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	134.638.249.861	134.638.249.861
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(19.282.146.581)	(19.282.146.581)
Điều chuyển quỹ (*)	-	-	-	(37.500.000.000)	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
	-	-	-	-	37.500.000.000	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	131.440.962.019	1.131.803.907.575

(\*) Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 đã quyết định điều chuyển 37.500 triệu VND từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**21. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu (2020: 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu).

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	178.211	4.034.695.909	18.036	415.453.731



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	589.010.398.705	663.978.374.039
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	15.655.354.671	4.611.999.996
	604.665.753.376	668.590.374.035

**24. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	499.632.389.507	542.943.166.017
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	13.632.554.767	1.614.200.000
	513.264.944.274	544.557.366.017

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Cổ tức được chia	22.539.322.996	1.250.200.000
Lãi tiền gửi	11.159.644.151	8.878.977.241
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	187.749.467	150.277.996
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	13.016.226
	33.886.716.614	10.292.471.463

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	12.987.891.720	17.071.342.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.411.598	247.197.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	63.190.750	-
Lập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	-	34.501.106
	<b>13.069.494.068</b>	<b>17.353.041.310</b>

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	21.622.174.994	20.183.474.962
Chi phí vật liệu quản lý	3.354.047.936	715.217.715
Chi phí khấu hao	4.983.097.372	5.045.936.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.902.576.624	9.664.436.557
Chi phí khác	7.317.187.579	19.885.153.786
	<b>45.179.084.505</b>	<b>55.494.219.251</b>

**28. Thu nhập khác**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	93.288.186.018	-
Tiền bảo hiểm được bồi thường	142.913.508	231.394.607
Các khoản khác	4.372.569.077	253.939.334
	<b>97.803.668.603</b>	<b>485.333.941</b>

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	110.653.003.251	113.576.258.107
Chi phí nhân công	108.501.217.000	116.475.539.428
Chi phí khấu hao	180.011.313.424	180.074.152.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.231.932.108	68.800.796.459
Chi phí khác	104.503.208.229	118.814.210.771

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	29.515.171.302	12.409.538.348
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	828.009.388
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>29.515.171.302</b>	<b>13.237.547.736</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	164.153.421.163	61.813.948.153
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.830.684.233	12.362.789.631
Thu nhập không bị tính thuế	(4.507.864.599)	(250.040.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.196.228.903	1.149.188.696
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(3.877.235)	(24.390.591)
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>29.515.171.302</b>	<b>13.237.547.736</b>



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản thuế thu nhập hoãn lại với giá trị ghi sổ là 9.371.990.612 VND liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú (1/1/2021: 9.371.990.612 VND).

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.786.884.848	174.500.069.825
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	387.572.427.953	486.805.825.060
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.371.196.069	4.868.981.231
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.031.285.473	18.214.749.918
<b>Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	245.759.513	18.181.818
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.346.791.064	18.872.653.908
<b>Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.808.416.992	19.910.014.303
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.455.207.062	30.488.710.087
Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.544.957.075	-
<b>Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	113.684.182	182.100.636

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		<b>Giá trị giao dịch</b>	
		<b>2021</b>	<b>2020</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex</b>			
Mua hàng hóa và dịch vụ		-	1.895.003.500
<b>Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long</b>			
Mua hàng hóa và dịch vụ		4.876.406.794	3.676.085.318
<b>Tổng kho XD Nhà Bè</b>			
Mua hàng hóa và dịch vụ		300.690.000	316.305.000
<b><i>Thành viên Ban Giám đốc</i></b>			
<b><i>Tiền lương và thưởng</i></b>			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng giám đốc	756.909.646	752.355.546
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	607.727.717	604.664.437
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	607.727.717	604.664.437
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	607.727.717	604.664.437
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	607.727.717	604.664.437
<b><i>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</i></b>			
<b><i>Tiền lương, thưởng và thù lao</i></b>			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	906.213.674	900.187.623
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	96.000.000	92.800.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	96.000.000	92.800.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên	96.000.000	92.800.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	96.000.000	92.800.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	96.000.000	92.800.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	96.000.000	92.800.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	552.582.906	550.079.342
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	47.600.000	-
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	47.600.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	19.600.000	64.960.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát	19.600.000	64.960.000

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Điều chuyển phải thu về lợi nhuận được chia sang phải thu về chi hộ	19.328.856.736	-

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Phan Nhân Tri  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường  
Tổng Giám đốc